|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2020* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ khi di dời**

**cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi**

**trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

**1. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi theo Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND và Quyết định sô 17/2014/QĐ-UBND ngày 13/5/2014 của UBND tỉnh.**

a) Kết quả thực hiện

Chính sách ban hành nhằm hỗ trợ một phần chi phí cho người dân khi thực hiện di dời các cơ sở vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi; Tính đến ngày 31/12/2018 *(thời điểm quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi hết hiệu lực theo Luật Quy hoạch)* không có cơ sở chăn nuôi nào làm hồ sơ đăng ký hỗ trợ do phần lớn các cơ sở chăn nuôi phải di dời đã ngưng chăn nuôi hoặc tự di dời.

b) Những khó khăn, vướng mắc

- Các cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời đã ngưng chăn nuôi do tình hình chăn nuôi những năm qua gặp nhiều khó khăn hoặc một số cơ sở tự chủ động di dời, không đăng ký hỗ trợ chính sách.

- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi khá lớn, tuy nhiên mức hỗ trợ di dời còn thấp so với tổng vốn đầu tư nên các cơ sở chăn nuôi chưa quan tâm đăng ký để được hưởng chính sách hỗ trợ.

- Chỉ hỗ trợ cho các cơ sở di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, tuy nhiên sau khi quy hoạch, giá đất tăng cao nên người dân gặp khó khăn trong việc mua đất để đầu tư dự án.

**2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành, triển khai thực hiện nhiều chủ trương, giải pháp về phát triển chăn nuôi, nhất là trang trại chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, chăn nuôi theo chuỗi liên kết, ứng dụng các khoa học công nghệ vào trong sản xuất và đã đạt được những kết quả rõ rệt cả về hiệu quả sản xuất, quy mô và chất lượng sản phẩm. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2020 dự ước đạt 22,2 ngàn tỷ đồng, có đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng chung của ngành, chiếm tỷ trọng khoảng 47% trong cơ cấu tổng giá trị của ngành nông lâm thủy sản, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 – 2020 đạt 4,2%/năm.

Ngành chăn nuôi Đồng Nai phát triển mạnh với hai loại vật nuôi chủ lực là heo và gà; hiện tổng đàn heo khoảng 2,1 triệu con, đàn gà khoảng 23,7 triệu con. Chăn nuôi trong thời gian qua chuyển dịch theo hướng trang trại tập trung quy mô lớn, trong giai đoạn 2016 – 2020 chăn nuôi Heo trang trai từ 69% lên 89%, chăn nuôi gà trang trai từ 89% lên 91%. Sản lượng thịt heo, gia cầm tăng qua các năm, bình quân giai đoạn 2015-2019, sản lượng thịt heo tăng 6.988 tấn/ năm, thịt gà 9.859 tấn/ năm.

Định hướng phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2025, tiếp tục xác định chăn nuôi vẫn là ngành chủ đạo và tiếp tục gia tăng tỷ trong trong cơ cấu giá trị của Ngành. Trong thời gian qua việc quản lý đầu tư phát triển chăn nuôi trên cơ sở quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung đã được UBND tỉnh phê duyệt, tuy nhiên hiện nay quy hoạch đã được bãi bỏ theo quy định của Luật quy hoạch, do đó để quản lý hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đòi hỏi phải có quy định cụ thể, đồng thời theo quy định của điểm h, Khoản 1, Điều 80 Luật chăn nuôi yêu cầu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quyết định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn tỉnh còn 11.770 cơ sở chăn nuôi, chủ yếu là chăn nuôi nông hộ nằm trong khu vực các phường, thị trấn, khu dân cư *(chiếm 15,57% tổng số cơ sở chăn nuôi của cả tỉnh)*; chăn nuôi nông hộ, nhất là các hộ chăn nuôi trong khu vực nội thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư hiệu quả kinh tế không cao, làm mất mỹ quan đô thị, có nhiều mối nguy mất vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường chăn nuôi ngày càng có nguy cơ ô nhiểm, thường xảy ra dịch bệnh do công tác phòng, chống dịch bệnh ít được người chăn nuôi quan tâm, trong đó có các bệnh *(Cúm gia cầm H5N1, Cúm heo, Xoắn khuẩn, Lao, giun sán,....)* truyền lây từ động vật qua người và từ người sang động vật làm ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe của cộng đồng dân cư; thực hiện khoản 1 Điều 12, điểm h khoản 1 Điều 80 Luật chăn nuôi, HĐND tỉnh sẽ quy định khu vực không được phép chăn nuôi, do đó bắt buộc các cơ sở đang thực hiện chăn nuôi trong khu vực này phải thực hiện di dời để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay chi phí xây dựng chuồng hở đối với heo thịt khoảng 1,5 triệu đồng/m2, gà thịt khoảng 550.000 đồng/m2 (không tính trang thiết bị, mua hoặc thuê đất); 1 m2 nuôi được 11,6 con gà, mỗi con heo thịt cần 1,2 m2. Như vậy, chi phí xây dựng chuồng trại đối với các quy mô chăn nuôi như sau:

- Chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ *(từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi)*: hết khoảng 90 triệu đến 270 triệu đồng đối với trại heo *(tương đương từ 50 đến dưới 150 con heo thịt)*; hết khoảng 95 triệu đồng đến dưới 285 triệu đồng đối với trại gà *(tương đương 2.000 đến dưới 6.000 con gà thịt)*.

- Chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi trang trại quy mô vừa *(từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi)*: hết khoảng 270 triệu đến 2.700 triệu đồng đối với trại heo (*tương đương từ 150 đến dưới 1.500 con heo thịt)*; hết khoảng 258 triệu đồng đến 2.850 triệu đồng đối với trại gà (*tương đương từ 6.000 đến dưới 60.000 con gà thịt)*.

- Chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi trang trại quy mô lớn *(từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên)*: tối thiểu hết khoảng 2.70. triệu đồng đối với trại heo (*tương đương từ 1.500 con heo thịt trở lên)*; tối thiểu hết khoảng 2.850 triệu đồng đối với trại (*tương đương từ 60.000 con gà thịt trở lên)*.

Khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, hệ thống chuồng trại cũ hầu như không sử dụng lại được mà phải đầu tư xây dựng mới, tốn kém nhiều chi phí, do đó Nhà nước cần có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các cơ sở để giải quyết một phần khó khăn trong quá trình thực hiện di dời.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết là cần thiết.

**II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết**

**1. Mục đích**

- Việc ban hành chính sách tại địa phương nhằm bảo đảm thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ di dời đối với các cơ sở đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phù hợp với tình hình thực tế địa phương để tổ chức triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách về phát triển chăn nuôi.

**2. Quan điểm xây dựng nghị quyết**

- Phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi và các quy định khác có liên quan; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo đúng quy định pháp luật về thẩm quyền và trình tự thủ tục.

- Phù hợp với quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

 - Đảm bảo sự công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng Nghị quyết.

**III. Quá trình xây dựng Nghị quyết**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh triển khai xây dựng Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục như sau:

1. UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 9972/TTr-UBND ngày 20/8/2020.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số …../HĐND-VP ngày …/…../2020.

3. Cơ quan chủ trì soạn thảo (Sở Nông nghiệp và PTNT được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo Nghị quyết) đã gửi lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan, đồng thời thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành,địa phương và các đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số ……./SNN- CNTY ngày ……/……/2020.

5. Sở Tư pháp có Văn bản số …./BC-STP ngày…./……./2020 về việc báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định tại Báo cáo số ……./ BC-SNN ngày ……./……../2020.

7. Cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

8. Ngày …./…/2020 UBND tỉnh tổ chức cuộc họp để thông qua dự thảo Nghị quyết.

**IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết**

Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm 3 điều:

**1. Bố cục**

- Điều 1.Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024.

- Điều 2. Kinh phí thực hiện

- Điều 3. Tổ chức thực hiện

**2. Nội dung cơ bản**

a) Tên gọi của dự thảo Nghị quyết: “Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024”.

b) Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024 với những nội dung sau đây:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời đối với các cơ sở chăn nuôi đang hoạt động sản xuất trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động sản xuất chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần. Chính sách quy định tại Khoản 4 Điều này không áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi đã được hưởng các chính sách tương tự từ ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp cùng nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất

b) Địa điểm chăn nuôi di dời đến phải đầy đủ các thủ tục pháp lý và đảm bảo các điều kiện chăn nuôi theo quy định.

c) Nguồn vốn hỗ trợ do ngân sách tỉnh cân đối và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có).

d) Các cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ di dời phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

4. Nội dung, mức hỗ trợ và điều kiện, thời gian hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi.

Các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực đến 31/12/2024 sẽ được hỗ trợ chi phí di dời như sau:

- Mức hỗ trợ:

+ Đối với chăn nuôi nông hộ và trang trại quy mô nhỏ được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi với mức là 4 triệu đồng/cơ sở.

+ Đối với trang trại quy mô vừa và trang trại quy mô lớn được hỗ trợ chi phí di dời cơ sở chăn nuôi với mức là 6 triệu đồng/cơ sở.

- Điều kiện được hỗ trợ:

+ Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh mục phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

+ Có dự án đầu tư chăn nuôi tại địa điểm mới phải đảm bảo quy mô chăn nuôi trang trại quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đáp ứng các khoảng cách an toàn theo quy định hiện hành (Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT).

+ Hoàn tất thủ tục xây dựng chuồng trại, thủ tục về môi trường theo quy định tại địa điểm mới.

b) Hỗ trợ lãi suất vay đầu tư dự án chăn mới.

- Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay theo hợp đồng vay vốn trong hai năm đầu, 50% lãi suất vốn vay trong năm thứ ba. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng đối với trang trại quy mô lớn, 150 triệu đồng đối với trang trại quy mô vừa, 60 triệu đồng đối với trang trại quy mô nhỏ. Mức lãi suất được hỗ trợ theo hợp đồng tín dụng nhưng tối đa không vượt quá lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại từng thời kỳ. Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian vay thực tế ghi trên hợp đồng tín dụng.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh mục phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

+ Có dự án đầu tư chăn nuôi tại địa điểm mới phải đảm bảo quy mô chăn nuôi trang trại quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đáp ứng các khoảng cách an toàn theo quy định hiện hành (Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT).

+ Hoàn tất thủ tục xây dựng chuồng trại, thủ tục về môi trường theo quy định tại địa điểm mới.

- Điều 2. Kinh phí thực hiện

- Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1)…; (2)…)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thường trực Tỉnh ủy;- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai;- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;- Các sở, ban, ngành liên quan;- Chánh, Phó chánh VP.UBND tỉnh;- Lưu: VT, KTN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |